

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 36

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong các thuyết minh của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11540875/68616286/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.462.037.637.486	7.388.917.787.512
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.114.572.706.483	1.355.630.787.362
111	1. Tiền		278.137.568.349	136.989.796.846
112	2. Các khoản tương đương tiền		836.435.138.134	1.218.640.990.516
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.796.087.596.407	2.591.305.155.134
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	2.501.797.474.015	2.175.217.317.911
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	50.033.699.101	81.122.409.635
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	230.005.200.405	295.489.850.231
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.695.506.088	41.395.690.663
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 7	(2.444.283.202)	(1.920.113.306)
140	III. Hàng tồn kho	8	3.288.909.211.812	3.234.217.020.563
141	1. Hàng tồn kho		3.470.085.973.497	3.360.560.118.752
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(181.176.761.685)	(126.343.098.189)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		262.468.122.784	207.764.824.453
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	12.559.503.250	17.760.882.947
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	14	248.642.570.831	189.313.737.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.266.048.703	690.203.805
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		723.800.009.249	809.512.734.587
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.729.155.431	13.893.155.431
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	13.729.155.431	13.893.155.431
220	II. Tài sản cố định		130.636.580.749	138.039.935.832
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	58.197.136.392	63.228.307.485
222	Nguyên giá		107.584.461.884	107.620.428.414
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.387.325.492)	(44.392.120.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	72.439.444.357	74.811.628.347
228	Nguyên giá		85.926.666.484	85.926.666.484
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.487.222.127)	(11.115.038.137)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		93.936.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		93.936.000	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	475.451.749.995	532.926.784.630
251	1. Đầu tư vào công ty con		452.637.988.912	628.995.750.000
253	2. Đầu tư vào đơn vị khác		40.233.974.607	-
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.420.213.524)	(96.068.965.370)
260	V. Tài sản dài hạn khác		103.888.587.074	124.652.858.694
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	15.150.614.495	13.646.620.976
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	88.737.972.579	111.006.237.718
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.185.837.646.735	8.198.430.522.099

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.098.534.041.532	5.207.768.578.779
310	I. Nợ ngắn hạn		5.096.000.412.105	5.205.234.949.352
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	1.836.090.583.604	2.215.202.145.037
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	116.329.500.328	133.819.882.215
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	27.955.508.554	41.320.395.376
314	4. Phải trả người lao động		17.184.962.633	24.971.951.644
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	248.938.919.482	332.600.299.949
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	19.349.488.175	25.471.301.184
320	7. Vay ngắn hạn	17	2.830.151.449.329	2.431.848.973.947
330	II. Nợ dài hạn		2.533.629.427	2.533.629.427
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.533.629.427	2.533.629.427
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.087.303.605.203	2.990.661.943.320
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	3.087.303.605.203	2.990.661.943.320
411	1. Vốn cổ phần		2.193.201.690.000	2.193.201.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.193.201.690.000	2.193.201.690.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		838.741.090.953	742.099.429.070
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		632.515.079.070	299.906.801.534
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		206.226.011.883	442.192.627.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.185.837.646.735	8.198.430.522.099

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	10.672.360.183.339	9.400.487.600.657
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(212.309.887.148)	(71.400.613.920)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	10.460.050.296.191	9.329.086.986.737
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(9.670.062.641.163)	(8.606.321.332.347)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		789.987.655.028	722.765.654.390
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	133.599.816.944	69.986.879.918
22	7. Chi phí tài chính	22	(107.618.754.491)	(64.234.381.453)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(60.749.388.319)	(39.159.618.264)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(485.519.522.055)	(426.569.641.740)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(68.578.606.472)	(60.237.691.310)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		261.870.588.954	241.710.819.805
31	11. Thu nhập khác		582.550.506	777.406.194
32	12. Chi phí khác		(3.442.162.552)	(2.927.117.835)
40	13. Lỗ khác		(2.859.612.046)	(2.149.711.641)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		259.010.976.908	239.561.108.164
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(30.516.699.886)	(10.076.191.730)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	(22.268.265.139)	(39.439.382.540)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		206.226.011.883	190.045.533.894


Trần Quốc Tâm
Người lập


Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		259.010.976.908	239.561.108.164
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	7.585.264.542	5.423.047.847
03	Dự phòng		55.357.833.392	15.508.897.801
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(31.998.037.491)	(24.677.987.316)
06	Chi phí lãi vay	22	60.749.388.319	39.159.618.264
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		350.705.425.670	274.974.684.760
09	Tăng các khoản phải thu		(334.731.646.742)	(691.057.545.514)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(109.525.854.745)	100.195.239.716
11	Giảm các khoản phải trả		(494.611.407.558)	(486.755.802.710)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.697.386.178	(8.502.567.438)
14	Lãi vay đã trả		(58.788.936.989)	(41.026.313.637)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(45.536.975.382)	(29.523.851.637)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(688.792.009.568)	(881.696.156.460)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(141.626.364)	(24.440.556.936)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	3.181.818.182
23	Tiền chi cho vay		(237.999.874.984)	(313.400.631.239)
24	Tiền thu hồi cho vay		303.484.524.810	330.437.200.700
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(35.400.000.000)	(24.050.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		32.800.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia		39.072.779.845	21.194.026.178
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		101.815.803.307	(7.078.143.115)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(30.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	17	6.395.500.337.956	5.407.664.327.137
34	Tiền trả nợ gốc vay		(5.939.997.862.574)	(5.109.240.833.205)
36	Cổ tức đã trả	18.1	(109.584.350.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		345.918.125.382	298.393.493.932

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(241.058.080.879)	(590.380.805.643)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.355.630.787.362	1.410.796.874.354
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	1.114.572.706.483	820.416.068.711

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ("SKHĐT") cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại các Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 480 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 475).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đề ngày 29 tháng 8 năm 2025 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa sổ dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	21 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	2 – 6 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	193.365.000	86.423.000
Tiền gửi ngân hàng	277.944.203.349	136.903.373.846
Các khoản tương đương tiền (*)	836.435.138.134	1.218.640.990.516
TỔNG CỘNG	1.114.572.706.483	1.355.630.787.362

(*) Các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và ngân hàng trị giá 836.435.138.134 VND. Các khoản đầu tư này được cam kết mua lại bởi các công ty chứng khoán trong khoảng thời gian dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,1%/ năm đến 6,1%/ năm. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư này đã được mua lại bởi các công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
		VND
Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:		
Cần trừ theo Thỏa thuận Giải quyết các khoản vay	57.200.000.000	-

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND
Phải thu các bên khác	2.439.749.771.386	2.108.275.975.887
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	632.899.233.380	492.303.764.723
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	190.108.576.460	54.729.075.199
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xây dựng Kỹ thuật Diệu Phúc	156.536.753.044	62.244.081.242
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hoàng Hà	106.530.875.103	158.614.064.153
- Khác	1.353.674.333.399	1.340.384.990.570
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	62.047.702.629	66.941.342.024
TỔNG CỘNG	2.501.797.474.015	2.175.217.317.911
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.444.283.202)	(1.920.113.306)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.499.353.190.813	2.173.297.204.605

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
		VND
Công ty TNHH Công Nghệ Huawei Việt Nam	28.356.053.418	45.605.023.322
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	13.315.818.856	-
Công ty TNHH HP PPS Singapore	1.880.351.878	7.999.686.608
Công ty TNHH Acer Việt Nam	-	15.278.457.277
Khác	6.481.474.949	12.239.242.428
TỔNG CỘNG	50.033.699.101	81.122.409.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	152.586.033.738	295.489.850.231
Phải thu bên khác	77.419.166.667	-
TỔNG CỘNG	230.005.200.405	295.489.850.231

Chi tiết phải thu về cho vay ngắn hạn tín chấp như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất
	VND		%/ năm
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	77.419.166.667	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	Từ 10 đến 12
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	72.736.033.738	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2026	Từ 5,3 đến 5,7
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	70.850.000.000	Từ ngày 30 tháng 5 năm 2026 đến ngày 3 tháng 6 năm 2026	Từ 5,4 đến 5,7
Công ty Cổ phần Achison	9.000.000.000	Ngày 28 tháng 4 năm 2026	6,5
TỔNG CỘNG	230.005.200.405		

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ("HĐQT") số 09A/2025/NQ-HĐQT của Công ty, HĐQT của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 81% tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") cho nhà đầu tư khác, với giá phí là 90.000.000.000 VND. Vào ngày 25 tháng 4 năm 2025, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 12 cập nhật thay đổi về chủ sở hữu của Venture. Theo đó, Venture và các công ty con của Venture, bao gồm Công ty Cổ phần Việt Money, không còn là công ty con của Nhóm Công ty.

7. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	16.695.506.088	41.395.690.663
Phải thu lãi cho vay	3.602.493.210	7.802.200.929
Đặt cọc, ký quỹ	1.300.283.891	1.182.121.443
Tạm ứng cho nhân viên	814.856.927	681.329.992
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	-	21.230.717.116
Khác	10.977.872.060	10.499.321.183
Dài hạn	13.729.155.431	13.893.155.431
Đặt cọc, ký quỹ	13.729.155.431	13.893.155.431
GIÁ TRỊ THUẦN	30.424.661.519	55.288.846.094
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu bên khác	30.285.946.015	54.584.246.196
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 25</i>)	138.715.504	704.599.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Hàng hóa	2.835.714.470.096	2.721.833.347.935
Hàng mua đang đi đường	620.632.873.227	611.394.037.807
Hàng gửi đi bán	7.310.229.897	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.428.400.277	27.332.733.010
TỔNG CỘNG	3.470.085.973.497	3.360.560.118.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(181.176.761.685)	(126.343.098.189)
GIÁ TRỊ THUẦN	3.288.909.211.812	3.234.217.020.563

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	126.343.098.189	126.478.296.819
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	113.864.806.609	69.991.685.964
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(59.031.143.113)	(54.224.524.073)
Số cuối kỳ	181.176.761.685	142.245.458.710

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	12.559.503.250	17.760.882.947
Chi phí hoạt động	6.449.817.019	11.686.183.641
Chi phí thuê	5.929.320.527	5.953.482.479
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	180.365.704	121.216.827
Dài hạn	15.150.614.495	13.646.620.976
Chi phí hoạt động	12.899.540.386	11.091.023.690
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.251.074.109	2.555.597.286
TỔNG CỘNG	27.710.117.745	31.407.503.923

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	41.968.230.735	5.758.428.509	55.342.849.696	4.550.919.474	107.620.428.414
Mua mới	-	-	-	181.909.459	181.909.459
Thanh lý, nhượng bán	-	(52.575.989)	-	(165.300.000)	(217.875.989)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	41.968.230.735	5.705.852.520	55.342.849.696	4.567.528.933	107.584.461.884
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	5.310.658.076	6.998.477.099	2.754.307.140	15.063.442.315
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(13.347.636.151)	(5.486.125.766)	(22.346.925.321)	(3.211.433.691)	(44.392.120.929)
Khấu hao trong kỳ	(842.503.557)	(21.214.576)	(4.069.310.674)	(280.051.745)	(5.213.080.552)
Thanh lý, nhượng bán	-	52.575.989	-	165.300.000	217.875.989
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(14.190.139.708)	(5.454.764.353)	(26.416.235.995)	(3.326.185.436)	(49.387.325.492)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	28.620.594.584	272.302.743	32.995.924.375	1.339.485.783	63.228.307.485
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	27.778.091.027	251.088.167	28.926.613.701	1.241.343.497	58.197.136.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính
	Tổng cộng	
Nguyên giá:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 30 tháng 6 năm 2025	57.382.176.180	28.544.490.304
Trong đó:		
Đã hao mòn hết	-	9.295.689.512
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(11.115.038.137)
Hao mòn trong kỳ	-	(2.372.183.990)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(13.487.222.127)
Giá trị còn lại:		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	57.382.176.180	17.429.452.167
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	57.382.176.180	15.057.268.177

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngày 30 tháng 6 năm 2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ	Quyền Lợi biểu ích quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Tỷ lệ
	VND	VND	VND			VND	VND	VND	Quyền Lợi biểu ích quyết
Đầu tư vào công ty con trực tiếp									
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	-	-	-	-	-	602.000.000.000	(96.068.965.370)	505.931.034.630	100
Công ty TNHH Nexta Capital (i)	425.642.238.912	-	425.642.238.912	100	100	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam (ii)	26.995.750.000	-	26.995.750.000	90	90	26.995.750.000	-	26.995.750.000	90
	452.637.988.912	-	452.637.988.912			628.995.750.000	(96.068.965.370)	532.926.784.630	
Đầu tư vào công ty khác									
Công ty TNHH Digiworld Venture (i)	40.233.974.607	(17.420.213.524)	22.813.761.083	19	19	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	492.871.963.519	(17.420.213.524)	475.451.749.995			628.995.750.000	(96.068.965.370)	532.926.784.630	

(i) Công ty TNHH Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Số 195 – 197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Nexta Capital ("Nexta") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0318829328 do SKHĐT cấp ngày 6 tháng 2 năm 2025 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Nexta là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán). Nexta có trụ sở đăng ký tại Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, Số 11 Đường Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Venture hoàn thành việc chia tách công ty thành 2 công ty bao gồm Venture và Nexta theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2025/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 1 năm 2025. Theo đó, Venture sẽ chuyển một phần vốn điều lệ cùng tài sản, quyền và nghĩa vụ tương ứng để thành lập công ty mới là Nexta.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Venture theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 09A/2025/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Venture giảm từ 100% xuống còn 19%. Venture không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty hoàn thành góp vốn thêm vào Nexta bằng tiền với tổng giá trị là 35.400.000.000 VND.

- (ii) Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý, lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính và các dịch vụ máy tính khác. B2X có trụ sở đăng ký tại Số 282 Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả các bên khác	1.828.623.981.527	2.215.202.145.037
- Asus Global Pte. Ltd	431.262.043.295	287.085.228.098
- Công ty TNHH Apple Việt Nam	417.827.144.228	734.865.076.000
- Công ty TNHH Xiaomi Việt Nam	202.410.696.233	31.537.467.380
- Xiaomi H.K Limited	181.539.744.731	800.527.864.819
- Công ty TNHH Công nghệ HP	133.340.537.594	26.378.550.000
- Công ty TNHH Lenovo (Singapore)	89.274.293.063	29.713.053.637
- Khác	372.969.522.383	305.094.905.103
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	7.466.602.077	-
TỔNG CỘNG	1.836.090.583.604	2.215.202.145.037

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Xiaomi H.K Limited	85.161.938.439	88.677.562.487
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc tế AMD	11.382.198.505	11.799.703.892
Công ty TNHH ARG Design	4.507.160.500	-
Khác	15.278.202.884	33.342.615.836
TỔNG CỘNG	116.329.500.328	133.819.882.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	189.313.737.701	1.611.586.494.396	(1.552.257.661.266)	248.642.570.831
Thuế xuất, nhập khẩu	690.203.805	21.202.766.424	(20.626.921.526)	1.266.048.703
TỔNG CỘNG	190.003.941.506	1.632.789.260.820	(1.572.884.582.792)	249.908.619.534
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.929.433.592	30.516.699.886	(45.536.975.382)	25.909.158.096
Thuế thu nhập cá nhân	390.239.360	7.352.732.181	(5.696.621.083)	2.046.350.458
Thuế giá trị gia tăng	722.424	1.572.419.362.992	(1.572.420.085.416)	-
Thuế khác	-	1.646.304.360	(1.646.304.360)	-
TỔNG CỘNG	41.320.395.376	1.611.935.099.419	(1.625.299.986.241)	27.955.508.554

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	239.952.344.599	315.301.909.593
Chi phí hoạt động	5.077.146.335	15.349.413.138
Chi phí lãi vay	3.909.428.548	1.948.977.218
TỔNG CỘNG	248.938.919.482	332.600.299.949
Trong đó:		
Phải trả bên khác	230.436.083.653	314.687.969.991
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	18.502.835.829	17.912.329.958

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	19.349.488.175	25.471.301.184
Chi trả hộ	11.424.959.416	19.270.182.199
Nhận ký quỹ, ký cược	2.830.000.000	2.430.000.000
Bảo hiểm	2.808.073.274	2.716.196.275
Khác	2.286.455.485	1.054.922.710
Dài hạn	2.533.629.427	2.533.629.427
Nhận ký quỹ, ký cược	2.533.629.427	2.533.629.427
TỔNG CỘNG	21.883.117.602	28.004.930.611

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	Vay ngân hàng	Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 25)	VND Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	2.374.648.973.947	57.200.000.000	2.431.848.973.947
Tăng trong kỳ	6.395.500.337.956	-	6.395.500.337.956
Giảm trong kỳ	(5.939.997.862.574)	(57.200.000.000)	(5.997.197.862.574)
Số dư cuối kỳ	2.830.151.449.329	-	2.830.151.449.329
Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:			
Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm
	VND		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	639.338.275.412	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2025 đến ngày 29 tháng 9 năm 2025	4,3
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	568.041.201.607	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2025 đến ngày 27 tháng 7 năm 2025	4,45
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	521.102.232.398	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2025 đến ngày 22 tháng 9 năm 2025	Từ 4,2 đến 4,4
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	348.245.463.639	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2025 đến ngày 30 tháng 9 năm 2025	4,2
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	289.477.764.097	Từ ngày 7 tháng 7 năm 2025 đến ngày 3 tháng 9 năm 2025	Từ 4,5 đến 4,55
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	260.614.909.885	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2025 đến ngày 21 tháng 9 năm 2025	4,5
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	133.207.516.045	Ngày 11 tháng 9 năm 2025	4,4
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	70.124.086.246	Ngày 3 tháng 9 năm 2025	4,5
TỔNG CỘNG	2.830.151.449.329		

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

18. **VỐN CHỦ SỞ HỮU**

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VNI
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.672.244.430.000	61.233.761.416	(6.439.937.166)	400.000.000	884.587.698.534	2.612.025.952.784
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	190.045.533.894	190.045.533.894
Giảm vốn	(197.000.000)	-	197.000.000	-	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(30.000.000)	-	-	(30.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.672.047.430.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	1.074.633.232.428	2.802.041.486.678
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	742.099.429.070	2.990.661.943.320
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	206.226.011.883	206.226.011.883
Cổ tức đã trả (i)	-	-	-	-	(109.584.350.000)	(109.584.350.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.193.201.690.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	838.741.090.953	3.087.303.605.203

(i) Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết 13/2025/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 5 năm 2025 công bố chỉ trả cổ tức bằng tiền (mỗi cổ đông đang nắm giữ 1 cổ phiếu nhận 500 VND) với tổng số tiền là 109.584.350.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	2.193.201.690.000	1.672.244.430.000
Giảm vốn	-	(197.000.000)
Số cuối kỳ	<u>2.193.201.690.000</u>	<u>1.672.047.430.000</u>

18.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Cổ phiếu đã được duyệt	219.320.169	219.320.169
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	219.320.169	219.320.169
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219.320.169	219.320.169
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	219.168.700	219.168.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	219.168.700	219.168.700

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng doanh thu	10.672.360.183.339	9.400.487.600.657
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	10.474.328.483.973	9.247.888.392.939
Doanh thu cung cấp dịch vụ	198.031.699.366	152.599.207.718
Các khoản giảm trừ doanh thu	(212.309.887.148)	(71.400.613.920)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(203.280.664.709)	(62.619.406.671)
Hàng bán bị trả lại	(9.029.222.439)	(8.781.207.249)
DOANH THU THUẦN	10.460.050.296.191	9.329.086.986.737
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	10.262.018.596.825	9.224.744.995.044
Doanh thu cung cấp dịch vụ	198.031.699.366	104.341.991.693
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	10.339.476.930.733	9.224.972.265.431
Doanh thu đối với các bên liên quan	120.573.365.458	104.114.721.306

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	39.628.433.050	21.368.347.319
Lãi do thanh lý chứng khoán kinh doanh	29.480.481.193	2.728.260.000
Chiết khấu thanh toán	29.400.438.549	21.404.529.256
Lãi trái phiếu	26.303.175.320	14.543.855.856
Lãi từ cho vay và tiền gửi ngân hàng	8.569.896.806	9.831.389.607
Khác	217.392.026	110.497.880
TỔNG CỘNG	133.599.816.944	69.986.879.918

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn hàng bán	9.522.889.908.257	8.471.965.956.129
Giá vốn dịch vụ cung cấp	147.172.732.906	134.355.376.218
TỔNG CỘNG	9.670.062.641.163	8.606.321.332.347

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí bán hàng	485.519.522.055	426.569.641.740
Chi phí hỗ trợ bán hàng	405.552.838.966	345.411.127.830
Chi phí nhân viên	31.003.812.731	27.746.124.933
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.367.087.747	24.082.902.055
Chi phí vận chuyển	20.155.040.371	18.925.700.183
Khác	5.440.742.240	10.403.786.739
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.578.606.472	60.237.691.310
Chi phí nhân viên	32.459.074.680	29.620.163.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.497.038.120	12.057.480.544
Khác	19.622.493.672	18.560.046.839
TỔNG CỘNG	554.098.128.527	486.807.333.050

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí lãi vay	60.749.388.319	39.159.618.264
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	30.374.120.707	11.089.020.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	12.805.387.832	12.468.939.896
Lỗ do thanh lý công ty con	2.875.034.635	-
Khác	814.822.998	1.516.803.293
TỔNG CỘNG	107.618.754.491	64.234.381.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Giá mua hàng hóa và dịch vụ	9.670.062.641.163	8.606.321.332.347
Chi phí hỗ trợ bán hàng	405.552.838.966	345.411.127.830
Chi phí nhân viên	63.462.887.411	57.366.288.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.019.166.238	55.066.082.782
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	7.585.264.542	5.423.047.847
Chi phí khác	17.477.971.370	23.540.785.731
TỔNG CỘNG	10.224.160.769.690	9.093.128.665.397

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.516.699.886	10.076.191.730
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	22.268.265.139	39.439.382.540
TỔNG CỘNG	52.784.965.025	49.515.574.270

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	259.010.976.908	239.561.108.164
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	51.802.195.382	47.912.221.633
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được trừ	847.295.888	756.624.911
Khác	135.473.755	846.727.726
Chi phí thuế TNDN	52.784.965.025	49.515.574.270

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán.

24.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí phải trả	49.018.577.537	66.523.825.006	(17.505.247.469)	(42.592.814.918)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.235.352.337	25.268.619.638	10.966.732.699	3.153.432.378
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	3.484.042.705	19.213.793.074	(15.729.750.369)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	88.737.972.579	111.006.237.718		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(22.268.265.139)	(39.439.382.540)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đoàn Hồng Việt Bà Đặng Kiện Phương Bà Tô Hồng Trang	Chủ tịch Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT/ Chủ tịch Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Thành viên HĐQT/ Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị Chị của Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Duy Tùng	Công ty con trực tiếp Công ty con trực tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Ông Trần Bảo Minh	Công ty con trực tiếp Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Bà Tô Tiểu Yến Công ty TNHH Nexta Capital Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam Công ty TNHH MTV 1 Digital Technology Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L Công ty Cổ phần Thương Mại và Sản xuất Bellvina Công ty TNHH MTV DPharma Công ty Cổ phần Achison Công ty Cổ phần Việt Money Holdings	Công ty con trực tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Việt Technologies	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín Công ty TNHH MTV Created Future Công ty TNHH MTV DHV Công ty TNHH MTV DKP Công ty TNHH MTV TOHT	Công ty con gián tiếp Công ty liên kết gián tiếp Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Thu tiền cho vay	154.584.524.810	152.610.000.000
		Cho vay	38.291.441.651	91.721.264.199
		Lãi cho vay	3.423.622.523	1.992.784.570
		Mua hàng hóa	444.687.716	514.086.827
		Cung cấp dịch vụ	112.810.500	112.810.500
		Bán hàng hóa	38.980.000	56.364
Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Cần trừ nợ vay	57.200.000.000	-
		Góp vốn	-	26.995.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Thu tiền cho vay	27.400.000.000	106.527.200.700
		Cho vay	18.800.000.000	97.179.367.040
		Bán hàng hóa	2.201.643.646	4.926.642.716
		Lãi cho vay	174.489.863	2.047.436.785
		Mua dịch vụ	-	6.944.459
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	153.850.000.000	52.600.000.000
		Thu tiền cho vay	105.000.000.000	40.100.000.000
		Mua hàng hóa	84.473.996.094	116.776.026
		Bán hàng hóa	49.878.045.899	61.651.584.279
		Lãi cho vay	1.317.926.934	581.416.439
		Mua dịch vụ	58.626.182	1.542.860.010
Công ty TNHH Nexta	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	35.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay	10.525.833.333	47.000.000.000
		Thu tiền cho vay	8.500.000.000	7.000.000.000
		Lãi cho vay	2.241.805.621	4.439.855.557
		Bán hàng hóa	7.723.644	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Bán hàng hóa	66.749.160.516	37.013.887.121
		Cung cấp dịch vụ	1.175.760.970	384.588.810
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	2.614.908.210	2.735.607.965
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp	Bán dịch vụ	393.562.100	18.333.334
		Bán hàng hóa	15.678.183	-
Bà Tô Tiểu Yến	Chị của Thành viên HĐQT	Thuê nhà	30.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	-	6.818.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	34.972.339.960	26.294.839.583
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	26.216.370.474	37.773.606.356
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	815.400.028	2.872.896.085
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	43.592.167	-
			62.047.702.629	66.941.342.024
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	66.490.685	220.376.712
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	62.608.381	196.024.244
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	9.616.438	31.536.986
Công ty Cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Lãi cho vay	-	256.661.956
			138.715.504	704.599.898
Phải thu dài hạn khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc, ký quỹ	3.742.457.104	3.742.457.104
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	72.736.033.738	189.029.116.897
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	70.850.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Achison	Công ty con gián tiếp	Cho vay	9.000.000.000	17.600.000.000
Công ty Cổ phần Việt Money (*)	Công ty con gián tiếp	Cho vay	-	66.860.733.334
			152.586.033.738	295.489.850.231

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Việt Money không còn là công ty con gián tiếp của Công ty (Thuyết minh số 6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên Dpharma	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	7.466.602.077	-	
Trả trước người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	-	271.254.250	
Chi phí phải trả ngắn hạn					
Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Chiết khấu thương mại	18.502.835.829	17.857.480.643	
Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Chi phí lãi vay	-	54.849.315	
			18.502.835.829	17.912.329.958	
Vay ngắn hạn					
Công ty TNHH Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Vay	-	57.200.000.000	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

				VND	
Tên	Chức vụ	Thù lao			
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024		
Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc	94.623.000	91.440.000		
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	92.937.000	89.814.000		
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc	89.055.000	86.058.000		
Ông Shekhar Himanshu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 9 năm 2024)	-	543.538.913		
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000		
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập	60.000.000	60.000.000		
TỔNG CỘNG		396.615.000	930.850.913		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Dưới 1 năm	53.294.873.469	27.521.397.678
Từ 1 năm đến 5 năm	98.201.920.614	171.133.323.249
Trên 5 năm	1.636.076.846	3.926.584.431
TỔNG CỘNG	153.132.870.929	202.581.305.358

Bảo lãnh

Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH Một Thành viên 1 Digital Technology và Công ty Cổ phần Achison với số tiền tối đa lần lượt là 50.000.000.000 VND và 60.000.000.000 VND.

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025



Trần Quế Tâm
Người lập



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch

